

**CÔNG KHAI**  
**THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT NGÀY 03 THÁNG 6 NĂM 2024**  
**CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1.1. Tên cơ sở giáo dục**

Trường Mầm non Hoa Anh Đào Montessori (gọi ngắn gọn “Sakura Schools”)  
(Tên tiếng anh: Sakura Montessori International School)

**1.2. Địa chỉ trụ sở**

Địa chỉ: Số 75 Tam Trinh - phường Vĩnh Tuy, TP Hà Nội

Điện thoại: 02471018899

Email: mnhoaanhdao@pgd-hoangmai.edu.vn

Website: <http://tamtrinh.sakuramontessori.edu.vn/>

**1.3. Loại hình cơ sở giáo dục**

Trường Mầm non tư thục

**1.4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu**

**Sứ mệnh:**

Sakura Schools truyền sức mạnh và truyền khả năng cho các thế hệ Học sinh với những kiến thức, kỹ năng cần thiết để trở thành những cá nhân tự lập, yêu thích việc học và sẵn sàng cho bậc Tiểu học.

**Tầm nhìn:**

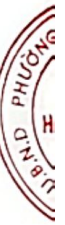
Sakura Schools là Hệ thống Trường Mầm non hàng đầu tại Việt Nam, mang đến nền giáo dục đẳng cấp thế giới.

**Mục tiêu:**

Trường Mầm non Hoa Anh Đào Montessori đề ra mục tiêu đào tạo được những thế hệ học sinh có các kiến thức và kỹ năng cần thiết để làm chủ sự thay đổi của thế giới, trở thành người lãnh đạo tác động tích cực tới cộng đồng ở bất kỳ nơi đâu các con sống; đồng thời xây dựng môi trường giáo dục hiện đại trong đó đề cao sự phát triển cá tính và năng khiếu riêng biệt của trẻ

**1.5. Quá trình hình thành và phát triển**

Nhà trường thành lập và hoạt động theo quyết định số 8041/QĐ-UBND ngày 21/07/2021 của UBND Quận Hoàng Mai.



Trường có 1 điểm chính tọa lạc tại số 75 Tam Trinh, phường Mai Động, quận Hoàng Mai (nay là phường Vĩnh Tuy), Hà Nội; với hơn 04 năm thành lập và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của quận cũng như của ngành giáo dục Hà Nội.

Tập thể nhà trường đạt giấy khen của Phòng GDĐT quận Hoàng Mai về tham gia tích cực các phong trào thi đua của ngành giáo dục quận.

Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đầy đủ về số lượng đảm bảo về chất lượng, tư cách phẩm chất đạo đức tốt, tay nghề vững vàng, có năng lực, nhiệt tình và năng động trong công tác, có kinh nghiệm trong quản lý và giảng dạy, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc

Qua những thành tích đạt được trường Mầm non Hoa Anh Đào Montessori luôn phấn đấu đạt các danh hiệu và hoàn thành tốt mục tiêu giáo dục đề ra cho những năm sau.

### **1.6. Thông tin đại diện pháp luật**

Họ và tên: Bùi Thị Thu Trang

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Hoa Anh Đào Montessori, số 75 Tam Trinh, phường Vĩnh Tuy, Hà Nội.

Email: trang.buithithu@sakuraschools.edu.vn

### **1.7. Tổ chức bộ máy**

*a) Quyết định thành lập trường, đổi tên trường*

- Quyết định thành lập số 5776/QĐ-UBND ngày 26/09/2018 của UBND Quận Hoàng Mai về việc thành lập trường mầm non Thế Giới Hạnh Phúc (Happy World).

- Quyết định cho phép hoạt động số: Số 127/GP-PGD&ĐT ngày 01/9/2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Hoàng Mai.

- Quyết định số 8041/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của UBND quận Hoàng Mai về việc đổi tên cơ sở giáo dục mầm non Thế Giới Hạnh Phúc (Happy World) thành trường Mầm non Hoa Anh Đào Montessori (Sakura Montessori International School).

*b) Quyết định công nhận hội đồng trường:*

- Hồ sơ thành lập Hội đồng trường đang trong thời gian kiện toàn theo địa giới hành chính mới.

*c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.*

- Quyết định số 2402/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Tuy về công nhận chức danh Hiệu trưởng trường Mầm non Hoa Anh Đào Montessori;

- Quyết định số 2399/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Tuy về công nhận chức danh Phó hiệu trưởng trường Mầm non Hoa



Anh Đào Montessori;

- Quyết định số 2403/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Tuy về công nhận chức danh Phó hiệu trưởng trường Mầm non Hoa Anh Đào Montessori;

*d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:*

- Xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị cốt lõi của nhà trường.

- Tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non theo chương trình Giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Chủ động đề xuất nhu cầu tuyển dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên; quản lý, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định. Công bố công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường trong quản lý hoạt động giáo dục.

- Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; quản lý trẻ em; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trong phạm vi được phân công; thực hiện hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non khác trên địa bàn nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục theo phân công của cấp có thẩm quyền.

- Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa.

- Tham mưu với chính quyền, phối hợp với gia đình hoặc người chăm sóc trẻ em và tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

- Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động phù hợp trong cộng đồng.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

*c) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ hòm thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc*

| STT | Họ và tên            | Chức vụ         | Điện thoại  | Mail                                 | Địa chỉ nơi làm việc                                             |
|-----|----------------------|-----------------|-------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 01  | Bà Bùi Thị Thu Trang | Hiệu trưởng     | 02471018899 | trang.buithithu@sakuraschools.edu.vn | Trường MN Hoa Anh Đào Montessori, 75 Tam Trinh, Vĩnh Tuy, Hà Nội |
| 02  | Bà Hoàng Thị Hợp     | Phó Hiệu trưởng |             | hop.hoangthi@sakuraschools.edu.vn    | Trường MN Hoa Anh Đào Montessori, 75 Tam Trinh, Vĩnh Tuy, Hà Nội |
| 03  | Bà Nguyễn Thị Oanh   | Phó Hiệu trưởng |             | oanh.nguyenthi@sakuraschools.edu.vn  | Trường MN Hoa Anh Đào Montessori, 75 Tam Trinh, Vĩnh Tuy, Hà Nội |

### 1.8 Chương trình giáo dục

Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Chương trình tích hợp giữa Chương trình giảng dạy quốc gia Montessori thuộc Montessori Australia Group Pty Ltd với Chương trình Giáo dục Mầm non Việt Nam của Hệ thống Giáo dục thuộc Công ty Cổ phần Giáo dục Edufit trên địa bàn thành phố Hà Nội

Đối tác thực hiện liên kết: Trường mầm non Headland Montessori ELC thuộc sở hữu của YCW Childcare Pty Ltd.

Giấy phép thành lập và hoạt động: ACN: 128 211 450 | ABN: 79 448 644 233 được ký bởi Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Học tập Mầm non Úc.

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

### 2.1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

| TT | Nội dung                                              | Tổng số   | Trình độ đào tạo |          |           |           |          |          | Chuẩn nghề nghiệp giáo viên |          |          |               |
|----|-------------------------------------------------------|-----------|------------------|----------|-----------|-----------|----------|----------|-----------------------------|----------|----------|---------------|
|    |                                                       |           | TS               | ThS      | ĐH        | CĐ        | TC       | Dưới TC  | Tốt                         | Khá      | Đạt      | Chưa đánh giá |
|    | <b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b> | <b>47</b> | <b>0</b>         | <b>0</b> | <b>19</b> | <b>18</b> | <b>7</b> | <b>4</b> | <b>28</b>                   | <b>4</b> | <b>0</b> | <b>0</b>      |
|    | <b>Giáo viên</b>                                      | <b>32</b> | <b>0</b>         | <b>0</b> | <b>15</b> | <b>16</b> | <b>1</b> | <b>0</b> | <b>28</b>                   | <b>4</b> | <b>0</b> |               |
|    | Nhà trẻ                                               | 14        | 0                | 0        | 5         | 8         | 1        | 0        | 14                          | 0        | 0        |               |
|    | Mẫu giáo                                              | 18        | 0                | 0        | 10        | 8         | 0        | 0        | 14                          | 4        | 0        |               |



|           |                       |           |          |          |          |          |          |          |          |          |          |   |
|-----------|-----------------------|-----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|---|
| <b>I</b>  | <b>Cán bộ quản lý</b> | <b>3</b>  | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>2</b> | <b>1</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>3</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |   |
|           | Hiệu trưởng           | 1         | 0        | 1        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 1 |
|           | Phó hiệu trưởng       | 2         | 0        | 0        | 2        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 2 |
| <b>II</b> | <b>Nhân viên</b>      | <b>12</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>2</b> | <b>1</b> | <b>5</b> | <b>4</b> |          |          |          |   |
|           | Nhân viên nấu ăn      | 5         | 0        | 0        | 0        | 1        | 4        | 0        |          |          |          |   |
|           | Nhân viên kế toán     | 0         | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        |          |          |          |   |
|           | Thủ quỹ + Lễ tân      | 2         | 0        | 0        | 2        | 0        | 0        | 0        |          |          |          |   |
|           | Nhân viên y tế        | 1         | 0        | 0        | 0        | 0        | 1        | 0        |          |          |          |   |
|           | Lao công              | 3         | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 3        |          |          |          |   |
|           | Nhân viên bảo vệ      | 1         | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 1        |          |          |          |   |
|           | Nhân viên khác        | 0         | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        |          |          |          |   |

2.2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

| STT      | Nội dung              | Năm học 2024 - 2025 | Năm học 2025 - 2026 |
|----------|-----------------------|---------------------|---------------------|
| <b>1</b> | <b>Cán bộ quản lý</b> |                     |                     |
|          | Số lượng              | 3                   | 3                   |
|          | Tỷ lệ                 | 100%                | 100%                |
| <b>2</b> | <b>Giáo viên</b>      |                     |                     |
|          | Số lượng              | 33                  | 32                  |
|          | Tỷ lệ                 | 100%                | 100%                |

### III. Cơ sở vật chất

- Diện tích khu đất xây dựng trường: 2.120m<sup>2</sup>
- Diện tích sàn xây dựng: 5.764m<sup>2</sup>
- Diện tích bình quân: >10m<sup>2</sup>/hs
- Yêu cầu: 8m<sup>2</sup>/HS theo Nghị định 125/2024, Văn bản hợp nhất số 14 của Thông tư 13/2020 và Thông tư 23/2024

| Quy định                                 | Thực tế |
|------------------------------------------|---------|
| <b>1. Khối phòng hành chính quản trị</b> |         |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| a) Phòng Ban Giám hiệu: có phòng làm việc và đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Có |
| b) Văn phòng trường: bảo đảm có 01 phòng; có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Có |
| c) Phòng dành cho nhân viên: bảo đảm có 01 phòng; có tủ để đồ dùng cá nhân;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Có |
| d) Phòng bảo vệ: bảo đảm có 01 phòng; đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Có |
| e) Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên: bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt. Trường hợp khu vệ sinh riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường;                                                                                                                                                                                                                       | Có |
| g) Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên: có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Có |
| <b>2. Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |    |
| a) Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |    |
| - Mỗi lớp có một phòng, bao gồm các phân khu chức năng:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Có |
| - Khu sinh hoạt chung để tổ chức các hoạt động học, chơi và ăn;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Có |
| - Nơi ngủ (sử dụng chung với khu sinh hoạt chung);                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Có |
| - Khu vệ sinh được xây dựng khép kín với phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, có vách ngăn cao > 1,50m giữa chỗ đi tiểu và bồn cầu.<br>- Có bố trí tiểu treo dùng cho trẻ em trai và xí bệt dùng cho trẻ em gái theo quy định.<br>- Khu vực rửa tay của trẻ em được bố trí riêng theo tiêu chuẩn<br>- Các thiết bị vệ sinh được lắp đặt phù hợp với độ tuổi; đối với trẻ em mẫu giáo cần bố trí nhà vệ sinh riêng cho trẻ em trai, trẻ em gái | Có |
| - Có sân chơi, đón trẻ em                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Có |
| - Hệ thống chiếu sáng theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - Mức cho phép chiếu sáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Có |



|                                                                                                                                                                                                                                                          |    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| nơi làm việc; hệ thống quạt (có thể trang bị thêm hệ thống điều hòa không khí phù hợp với điều kiện thực tế);                                                                                                                                            |    |
| b) Phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                   | Có |
| c) Sân chơi: lắp đặt các thiết bị đồ chơi ngoài trời theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;                                                                                                                                                           | Có |
| d) Thư viện: Mỗi lớp có một góc đọc sách được trang bị đầu sách phong phú, có đủ ánh sáng, thảm ngồi, không gian yên tĩnh.                                                                                                                               | Có |
| <b>3. Khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các trường có tổ chức nấu ăn)</b>                                                                                                                                                                               |    |
| a) Nhà bếp: độc lập với các khối phòng chức năng khác; gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn; được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều;                                                                      | Có |
| b) Kho bếp: phân chia riêng biệt kho lương thực và kho thực phẩm; có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm; có thiết bị bảo quản thực phẩm.                                                               | Có |
| <b>4. Khối phụ trợ</b>                                                                                                                                                                                                                                   |    |
| a) Phòng họp: bảo đảm có 01 phòng; sử dụng làm nơi sinh hoạt chung và làm việc chuyên môn của giáo viên ngoài giờ lên lớp, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành;                                                                         | Có |
| b) Phòng Y tế: bảo đảm có 01 phòng; vị trí thuận tiện cho công tác sơ cứu, cấp cứu; có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh;                                                                                               | Có |
| c) Nhà kho: bảo đảm có 01 phòng; để dụng cụ chung và học phẩm của trường;                                                                                                                                                                                | Có |
| d) Sân vườn: gồm sân chơi chung và vườn cây, bãi cỏ; được sử dụng để tổ chức các khu trò chơi vận động và sân khấu ngoài trời. Sân bằng phẳng, không trơn trượt, mát mẻ, có cây xanh tạo bóng mát sân trường;                                            | Có |
| đ) Cổng, hàng rào: khuôn viên của trường, điểm trường phải ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ (tường xây hoặc hàng rào cây xanh), bảo đảm vững chắc, an toàn; cổng trường, điểm trường phải kiên cố, vững chắc để gắn cổng và biển tên trường. | Có |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                   |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| 5. Hạ tầng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                   |
| a) Hệ thống cấp nước sạch: đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành;<br>Hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường; | Có hợp đồng mua nước, thoát nước với nhà cung cấp |
| b) Hệ thống cấp điện: bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường;                                                                                                                                                                                                               | Có hợp đồng mua điện và đóng phí đầy đủ           |
| c) Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: bảo đảm theo các quy định hiện hành;                                                                                                                                                                                                                           | Có Văn bản nghiệm thu kết quả PCCC                |
| d) Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: điện thoại, kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường;                                                                                                                                                                                     | Có hợp đồng dịch vụ và thanh toán đầy đủ          |
| 6. Các hạng mục công trình quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố. Tỷ lệ công trình kiên cố không dưới 40%.                                                                                                                                            | Mật độ 40%                                        |
| 7. Thiết bị dạy học                                                                                                                                                                                                                                                                               | Có                                                |

#### IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

##### 4.1 Về kế hoạch hoạt động giáo dục năm học 2025-2026:

a) Nhà trường đã đăng tải công khai trên website và các bản tin của Nhà trường qua ứng dụng Edufit Parents thông tin về tuyển sinh, chính sách ưu đãi cho năm học 2025-2026.

b) Đối với Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hay thực đơn hằng ngày của trẻ em, Nhà trường đều công khai để Phụ huynh cùng theo dõi. Đồng thời, Nhà trường cũng nộp báo cáo đến Phòng Văn hóa - Xã hội của Phường Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục chi tiết.

c) Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa Gia đình và Nhà trường cũng được thống nhất triển khai qua công tác truyền thông, thông tin liên lạc giữa Gia đình và Nhà trường.

##### 4.2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước 2024-2025:

| T<br>T | Nội dung | Tổng số trẻ em | Nhà trẻ         |                  |                  | Mẫu giáo |          |          |
|--------|----------|----------------|-----------------|------------------|------------------|----------|----------|----------|
|        |          |                | 3-12 tháng tuổi | 13-24 tháng tuổi | 25-36 tháng tuổi | 3-4 tuổi | 4-5 tuổi | 5-6 tuổi |



|            |                                                                  |     |  |  |     |    |    |    |
|------------|------------------------------------------------------------------|-----|--|--|-----|----|----|----|
| <b>I</b>   | <b>Tổng số trẻ em</b>                                            | 316 |  |  | 100 | 70 | 79 | 67 |
| 1          | Số trẻ em nhóm ghép                                              |     |  |  |     |    |    |    |
| 2          | Số trẻ em 1 buổi/ngày                                            |     |  |  |     |    |    |    |
| 3          | Số trẻ em 2 buổi/ngày                                            | 316 |  |  | 100 | 70 | 79 | 67 |
| 4          | Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập                                |     |  |  |     |    |    |    |
| <b>II</b>  | <b>Số trẻ em được tổ chức ăn tại cơ sở</b>                       | 316 |  |  | 100 | 70 | 79 | 67 |
| <b>III</b> | <b>Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe</b>                  | 316 |  |  | 100 | 70 | 79 | 67 |
| <b>IV</b>  | <b>Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng</b> | 316 |  |  | 100 | 70 | 79 | 67 |
| <b>V</b>   | <b>Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em</b>                    | 316 |  |  |     |    |    |    |
| 1          | Số trẻ cân nặng bình thường                                      | 304 |  |  | 98  | 67 | 73 | 66 |
| 2          | Số trẻ SDD thể nhẹ cân                                           | 12  |  |  | 2   | 3  | 6  | 1  |
| 3          | Số trẻ có chiều cao bình thường                                  | 309 |  |  | 96  | 69 | 78 | 66 |
| 4          | Số trẻ SDD thể thấp còi                                          | 7   |  |  | 4   | 1  | 1  | 1  |
| 5          | Số trẻ thừa cân béo phì                                          |     |  |  | 0   | 0  | 0  | 0  |
| 6          | Số trẻ SDD nhẹ cân và TC                                         |     |  |  | 0   | 0  | 0  | 0  |
| <b>VI</b>  | <b>Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục</b>          |     |  |  |     |    |    |    |
| 1          | Chương trình giáo dục                                            |     |  |  | 100 |    |    |    |

|   |                                |  |  |  |  |    |    |    |
|---|--------------------------------|--|--|--|--|----|----|----|
|   | nhà trẻ                        |  |  |  |  |    |    |    |
| 2 | Chương trình giáo dục mẫu giáo |  |  |  |  | 70 | 79 | 67 |

## V. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Trường Mầm non Hoa Anh Đào Montessori hoạt động theo nguyên tắc tự chủ tài chính, thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thuế, định giá tài sản và công khai tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán. Trên cơ sở nguồn thu, nguồn chi được liệt kê như dưới đây, Trường Mầm non Hoa Anh Đào Montessori vẫn đang rất nỗ lực để cân bằng giữa thu và chi, thay đổi không đáng kể so với cùng kỳ năm học 24-25. Cụ thể hơn như sau:

### 6.1 Nguồn thu tài chính

- Vốn góp của chủ sở hữu;
- Nguồn thu học phí;
- Lãi tiền gửi tại ngân hàng;
- Các khoản đầu tư, tài trợ;
- Vốn vay của các ngân hàng, tổ chức tín dụng, cá nhân;
- Các khoản thu hợp pháp khác

### 6.2 Nội dung chi

- Lương, phụ cấp lương, tiền công, tiền thưởng và các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động; các khoản chi phí cho hoạt động chuyên môn bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường;
- Quản lý hành chính;
- Đầu tư xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất, chi trả tiền thuê cơ sở vật chất mua sắm tài liệu, trang thiết bị đồ dùng dạy học;
- Khấu hao tài sản cố định;
- Trả lãi vay;
- Thực hiện nghĩa vụ thuế đối với cơ quan nhà nước;
- Chi phúc lợi tập thể, khen thưởng; các hoạt động nhân đạo từ thiện;
- Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật và quy chế tài chính của trường đã được nhà đầu tư phê duyệt không trái với quy định của pháp luật;

### 6.3 Học phí và các khoản phí khác

Học phí, Chính sách ưu đãi học phí của Trường Mầm non Hoa Anh Đào Montessori được xác định theo từng nhóm tuổi và chương trình học, được công bố công khai trong mỗi kỳ tuyển sinh, trong cuộc họp đầu năm với phụ huynh, trong biểu phí tại Ứng dụng Edufit Parent (*phần mềm liên lạc chính thức giữa Nhà trường và Phụ huynh*), tại Không gian thương hiệu, tại Bộ phận chăm sóc khách hàng của Nhà trường và website chính thức của Nhà trường. Bên cạnh đó, Nhà trường có số hotline để Phụ huynh quan tâm liên hệ và biết thêm chi tiết.



## **VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

### **7.1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non**

Ban giám hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn, giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên

Năm học 2025 - 2026 nhà trường có 1 giáo viên đang học nâng chuẩn đại học.

### **7.2. Thực hiện các kế hoạch, đề án**

Nhà trường xác định rõ các mục tiêu đề án và lập kế hoạch, xác định các công việc cần thực hiện trong đề án và phân công cho các thành viên trong trường cùng thực hiện. Đến thời điểm hiện tại các kế hoạch, đề án của nhà trường thực hiện đúng tiến độ.

### **7.3. Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế**

Công tác xã hội hóa tại nhà trường đạt được kết quả khả quan vượt trội so với kết quả dự kiến. Nhà trường nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phía phụ huynh, nhà đầu tư bổ sung thêm trang thiết bị học tập cho học sinh.

### **7.4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin**

Nhà trường đang thực hiện thí điểm chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục.

Xây dựng kho tài liệu trực tuyến dùng chung.

Nhà trường áp dụng tốt các phần mềm hỗ trợ quản lý như phần mềm Edufit Parents, phần mềm bảo hiểm xã hội, kê khai thuế, dịch vụ công, quản lý tài sản công, cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm Media quản lý trang web... Sử dụng phần mềm Gokids trong xây dựng kế hoạch soạn giảng các lứa tuổi được Ban giám hiệu quản lý trên mạng nội bộ của nhà trường.

Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hồ sơ và báo cáo.

Tiếp tục triển khai rà soát, hoàn thiện, cập nhật mã định danh của trẻ; hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành theo đúng quy định.

Khai thác nguồn tài liệu, các ứng dụng, phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ.

Nhà trường định hướng cho giáo viên ứng dụng công nghệ AI trong thiết kế và hoạt động giáo dục cho trẻ.

### **7.5. Công tác truyền thông**

Nhà trường có xây dựng kế hoạch truyền thông, ra quyết định phân công người

phụ trách công tác truyền thông và thực hiện báo cáo theo yêu cầu.

Nhà trường đã đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non, các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ thông qua bảng tin tuyên truyền của trường, lớp, qua trang mạng xã hội (trang fanpage Mầm non Sakura Montessori, zalo nhóm lớp), thông qua website trường.

Vĩnh Tuy, ngày 12 tháng 01 năm 2026



Bùi Thị Thu Trang